

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
THỊ XÃ MƯỜNG LAY - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Mường Lay, năm 2022

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	2
PHẦN I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	7
1. Điều kiện tự nhiên	7
2. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	8
Phần II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021	
.....	16
1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	16
2. Đánh giá tồn tại và nguyên nhân trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021	30
PHẦN III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022.....	32
1. Chỉ tiêu sử dụng đất	32
2. Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực.....	32
3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	37
4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	55
5. Diện tích đất cần thu hồi	56
6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	56
7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2022 Thị xã Mường Lay	57
8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất	57
PHẦN IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2022.....	60
1. Giải pháp về tuyên truyền	60
2. Giải pháp về nguồn lực, vốn đầu tư	60
3. Giải pháp về chính sách, quản lý	61
4. Giải pháp về khoa học, công nghệ	62
5. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ rừng và bảo vệ môi trường	62
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	64
1. Kết luận	64
2. Kiến nghị	64

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ sớm đưa các văn bản pháp luật đất đai mới vào thực tiễn cuộc sống, đưa công tác quản lý, sử dụng đất đai vào nề nếp, phù hợp pháp luật.

Luật Đất đai 2013 tại Chương I, Điều 4 quy định: đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của Luật này. Điều 6 khẳng định nguyên tắc sử dụng đất là phải đảm bảo “Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất, tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và không làm tổn hại đến lợi ích chính đáng của người sử dụng đất xung quanh”. Điều 9 nội dung khuyến khích đầu tư vào đất đai quy định “Khai hoang, phục hóa, lấn biển, đưa diện tích đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước hoang hóa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất”. Điều 22 một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai là “Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất”.

Do tầm quan trọng và tính cấp thiết của việc lập kế hoạch sử dụng đất cũng như việc chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Luật đất đai 2013, theo hướng dẫn tại Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Kết hợp với sự chỉ đạo của UBND tỉnh Điện Biên và Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND Thị xã Mường Lay tiến hành lập ***“Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên”***.

1. Cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất

1.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 29/11/2018 về việc sửa đổi bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị quyết số 815/NQ-UBTVQH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Điện Biên;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 ngày 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên về phát triển hệ thống kế cấu hạ tầng, gắn với phát triển đô thị theo hướng hiện đại tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Điện Biên về việc chấp thuận danh mục các dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
- Thông tư số 19/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 6 năm 2016 hướng dẫn chi tiết điều 4

của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây lâu năm theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 về việc sửa đổi bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung Ương giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2012 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2020 định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024;

- Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020 và điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2020, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư một số dự án chuẩn bị đầu tư, sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 3247/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và dự toán ngân sách năm 2022;

- Các Nghị quyết của HĐND Thị xã về đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2022.

1.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ

- Số liệu thống kê đất đai năm 2020 của Thị xã Mường Lay;

- Số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 của Thị xã Mường Lay;

- Báo cáo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 Thị xã Mường Lay;

- Bản đồ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 Thị xã Mường Lay;

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 Thị xã Mường Lay;
- Bản vẽ, trích đo, trích lục các công trình dự án trên địa bàn Thị xã Mường Lay;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 Thị xã Mường Lay;
- Niên Giám thống kê tỉnh Điện Biên năm 2020;
- Các tài liệu khác có liên quan.

PHẦN I

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Thị xã Mường Lay nằm ở phía Bắc tỉnh Điện Biên, cách thành phố Điện Biên Phủ 103 km về phía Bắc, cách trung tâm thủ đô Hà Nội 576 km về phía Tây Bắc, có vị trí địa lý:

- Phía Bắc giáp huyện Nậm Nhùn và huyện Sìn Hồ thuộc tỉnh Lai Châu qua sông Đà;
- Phía Tây giáp xã Mường Tùng - huyện Mường Chà;
- Phía Nam giáp xã Mường Tùng - huyện Mường Chà;
- Phía Đông giáp xã Xá Tổng - huyện Mường Chà.

Thị xã Mường Lay có diện tích 11.266,56 ha, là Thị xã có dân số thấp nhất và cũng là Thị xã có số phường, xã ít nhất ở Việt Nam hiện nay.

Thị xã Mường Lay nằm trong một thung lũng hẹp, dài, nơi giao cắt của sông Đà, sông Nậm Na và sông Nậm Lay. Đất đai Thị xã phân bố dọc hai bên bờ suối Nậm Lay, nay là một phần của hồ thủy điện Sơn La.

Hiện nay hầu hết vùng thấp của Thị xã Mường Lay nằm dưới lòng hồ thủy điện Sơn La. Hồ có diện tích khoảng 50 km² và kéo dài hàng chục km.

1.2. Địa hình, địa mạo

Thị xã Mường Lay có địa hình đa dạng, phức tạp. Đồi núi cao, độ dốc lớn, và bị chia cắt mạnh bởi hệ thống sông suối nhiều (5,5-6km/km²). Độ dốc tự nhiên lớn hơn 250 chiếm hơn 90% tổng diện tích của Thị xã, hướng dốc chính thấp dần về phía Bắc (Sông Đà). Độ cao trung bình 510m, nơi thấp nhất là 169,43m (khu vực ven Sông Đà), nơi cao nhất là 1.150m.

Thị xã được chia làm 3 vùng chính:

- Vùng đồng bằng: Phân bố dọc theo suối Nậm Lay, được hình thành do quá trình bồi đắp lâu dài của suối Nậm Lay, có địa hình bằng phẳng, rất thích hợp để canh tác lúa nước.

- Vùng núi thấp: Tiếp giáp với vùng đồng bằng, độ cao trung bình từ 300-700m, bao gồm các dãy núi song song và so le với nhau. Cấu tạo địa chất của dạng địa hình này chủ yếu là tầng trầm tích dày gồm đá phiến sét xen kẽ bột kết

và cát kết. Địa hình đồi núi thấp khá chia cắt, hiểm trở, thích hợp để phát triển lâm nghiệp, cây lâu năm và đồng cỏ chăn nuôi gia súc.

- Vùng núi trung bình và cao: Tiếp giáp với vùng núi thấp, độ cao trên 700m là đầu nguồn của các con suối nhỏ thuộc lưu vực sông Đà và suối Nậm Lay, cấu tạo địa chất chủ yếu là đá macma axit (granit), đá phiến sét, đá vôi và đá biến chất, thích hợp để phát triển lâm nghiệp.

1.3. Khí hậu

Khí hậu Thị xã thuộc khu vực nhiệt đới gió mùa miền Bắc Việt Nam. Là vùng núi cao đón gió Tây và Đông Nam, khí hậu mang nét đặc trưng của khí hậu nội địa. Mùa hè chịu ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam (gió Lào) khô và nóng, được che chắn bởi dãy Hoàng Liên Sơn nên ít bị ảnh hưởng của bão và gió mùa Đông Bắc. Hàng năm có hai mùa rõ rệt: Mùa đông tương đối lạnh, ít mưa và sương muối, kéo dài từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Mùa hạ từ tháng 4 đến tháng 10 nóng, mưa nhiều. Nhiệt độ trung bình cả năm 23°C , nhiệt độ trung bình cao nhất trong năm $26,6^{\circ}\text{C}$ (tháng 8), nhiệt độ trung bình thấp nhất $17,2^{\circ}\text{C}$ (tháng 1), nhiệt độ cao nhất 38°C - $42,5^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ thấp nhất đến $3,4^{\circ}\text{C}$.

Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2.066,1mm, mưa tập trung theo mùa. Tháng 7 có lượng mưa trung bình cao nhất, tháng 12 lượng mưa trung bình thấp nhất.

Yếu tố gió phụ thuộc vào địa hình rất nhiều, song nhìn chung có 3 hướng gió chính: gió Đông Nam, gió mùa Đông Bắc và gió Tây Nam vào mùa hè.

1.4. Tài nguyên nước

Đặc thù sông suối ở đây độ dốc lớn, có lượng dòng chảy lớn, không đều, giảm dần từ Bắc xuống Nam. Thị xã nằm trong thung lũng hẹp, dài, nơi ngã ba giao cắt của các con sông: Sông Đà, Sông Nậm Na và suối Nậm Lay. Phần lớn đất đai Thị xã thuộc lưu vực của suối Nậm Lay.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1. Điều kiện kinh tế

a) Nông nghiệp

** Trồng trọt:*

- Tổng diện tích cây lương thực có hạt đạt 903,61 ha, đạt 111,05% so với Kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND Thị xã giao, tăng 3,62% so với cùng kỳ năm 2020. Sản lượng cây lương thực có hạt ước đạt 3.606,61 tấn, đạt 113,17%

kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND Thị xã, tăng 4,06% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

+ Lúa Đông Xuân: diện tích gieo cấy 265,19 ha, đạt 133,93% kế hoạch tỉnh và Thị xã, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2020. Năng suất bình quân 57,26 tạ/ha, sản lượng 1.518,43 tấn, đạt 133,08% kế hoạch tỉnh, 133,43% Kế hoạch Thị xã giao, tăng 8,87% so với cùng kỳ.

+ Lúa mùa: diện tích gieo cấy 227,92 ha, đạt 96,58% kế hoạch tỉnh và Thị xã, giảm 3,49% so với cùng kỳ; năng suất bình quân 56,47 tạ/ha; sản lượng 1.287,14 tấn. Lúa nương diện tích gieo trồng 66,6 ha, đạt 92,89% so với kế hoạch tỉnh và Thị xã, năng suất bình quân 13,72 tạ/ha, sản lượng 91,38 tấn, đạt 97,21% kế hoạch tỉnh, 96,91% kế hoạch Thị xã giao, tăng 0,15% so với cùng kỳ.

+ Cây ngô: diện tích gieo trồng ngô 343,88 ha, đạt 111,65% so với kế hoạch tỉnh và Thị xã, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2020. Năng suất 20,64 tạ/ha, sản lượng 709,66 tấn, đạt 104,67% so với kế hoạch tỉnh, đạt 104,65 so với KH Thị xã giao.

- Cây chất bột (*cây sắn*): diện tích trồng 62,5 ha, đạt 100% so với kế hoạch;

- Cây rau đậu các loại: diện tích gieo trồng 81,98 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 1.702,18, tăng 2,67% so với cùng kỳ.

* *Chăn nuôi*: Tình hình chăn nuôi trên địa bàn Thị xã trong những tháng đầu năm giữ ở mức tăng trưởng ổn định. Tuy nhiên vào cuối tháng 4/2021 và đầu tháng 8/2021 xảy ra bệnh dịch tả lợn Châu phi và bệnh viêm da nổi cục ở đàn gia súc đã gây thiệt hại cho các hộ chăn nuôi. Ước thực hiện đến hết năm 2021, tổng đàn gia súc là 8.370 con (*gồm trâu, bò, lợn, dê*) tăng 0,32% so với cùng kỳ năm trước, đạt 96,75% so với kế hoạch tỉnh, đạt 106,26% so với Nghị quyết HĐND Thị xã giao. Đàn gia cầm ước đạt 73.205 con, tăng 3,05% so với cùng kỳ năm trước và đạt 93% so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND Thị xã giao.

* *Lâm nghiệp*: Tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ diện tích có rừng 7.333,20 ha (*Trong đó: Rừng tự nhiên 7.026,27 ha; Rừng trồng: 198,02 ha; Rừng ngoài quy hoạch cho lâm nghiệp: 108,91 ha*). Tỷ lệ độ che phủ rừng năm 2021 đạt 65,09%, tăng 0,09% so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết của HĐND Thị xã giao.

* *Thủy sản*: Diện tích nuôi trồng thủy sản trong ao là 38,42 ha, tăng 60,35% so với cùng kỳ năm trước và đạt 160,08% so với Kế hoạch tỉnh, nghị quyết HĐND Thị xã giao. Tổng sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác tự

nhiên ước đạt 200,09 tấn, tăng 9,88% so với cùng kỳ năm 2020 và đạt 112,41% so với kế hoạch tỉnh và Nghị Quyết HĐND Thị xã giao.

b) Sản xuất Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Tình hình sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong năm 2021 ổn định. Ước giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng theo giá thực tế năm 2021 ước đạt 179.691 triệu đồng, tăng 6,53% so với năm 2020 (*Trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp: 105.871 triệu đồng; Giá trị sản xuất xây dựng: 73.820 triệu đồng*). Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng theo giá so sánh ước đạt 127.010 triệu đồng (*Trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp: 76.094 triệu đồng, tăng 13,39% so với năm trước và đạt 100,32% so với kế hoạch Thị xã giao; Giá trị sản xuất xây dựng: 50.916 triệu đồng, tăng 0,06% so với năm trước và đạt 60,28% so với kế hoạch Thị xã giao*).

c) Hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch

- *Hoạt động thương mại*: Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển ổn định; số cơ sở và hộ kinh doanh trên địa bàn được duy trì. Công tác quản lý và cấp đổi, cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo đúng quy định. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ theo giá thực tế năm 2021 ước đạt 262.149 triệu đồng, đạt 37,45% kế hoạch tỉnh, 91,07% kế hoạch Thị xã, tăng 2,06% so với cùng kỳ năm 2020.

- *Hoạt động du lịch*: Do tiếp tục chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid -19. Năm 2021, lượng khách du lịch đến Thị xã Mường Lay là 19.600 lượt khách, giảm 1.133 lượt khách so với cùng kỳ năm 2020.

- *Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách*: Đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu của Nhân dân trên địa bàn. Doanh thu vận tải ước đạt 6.973,5 triệu đồng, tăng 1,77% so với năm 2020; sản lượng hành khách vận chuyển ước thực hiện 20.260 lượt người; sản lượng hàng hóa vận chuyển ước thực hiện 91.420 tấn.

- *Dịch vụ thông tin và truyền thông*: Phát triển ổn định, đa dạng các loại hình dịch vụ, các đơn vị kinh doanh viễn thông đã đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp hệ thống thiết bị, đường truyền, mở rộng dung lượng phục vụ tốt nhu cầu thông tin liên lạc, Internet trên địa bàn Thị xã. Tổng số thuê bao hiện có 9.610 thuê bao, tăng 1,54% so với cùng kỳ năm 2020. Tổng doanh thu dịch vụ bưu chính ước đạt 970 triệu đồng, tăng 20,19% so với cùng kỳ năm 2020.

d) Công tác Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường

- *Công tác quản lý đô thị:* Hoạt động quản lý đô thị tiếp tục được tăng cường; thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng theo quy hoạch, thực hiện đầu tư xây dựng công trình xử lý kỹ thuật tuyến đường bản Mo - bản Ổ xã Lay Nưa. Kiểm tra công tác nghiệm thu 04 công trình trước khi bàn giao đưa vào sử dụng. Tổ chức lập quy hoạch tổng mặt bằng của 02 trường hợp cá nhân, hộ gia đình.

Quản lý và chăm sóc cây xanh đô thị trên địa bàn Thị xã với hơn 6.812 cây và 600 cây xanh phong trào. Trồng mới, bổ sung thay thế 1.061 cây xanh; Chỉnh trang đô thị, cải tạo giải phân cách, cải tạo lưới điện chiếu sáng, vận hành có hiệu quả hệ thống điện chiếu sáng, kiểm tra, rà soát sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống đèn đường trên địa bàn Thị xã.

- *Công tác quản lý đất đai:* Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tổ chức thực hiện lập Quy hoạch sử dụng đất Thị xã Mường Lay giai đoạn 2021-2030 và công bố kế hoạch sử dụng đất năm 2021. Thực hiện các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định (*Cụ thể như sau: tính đến ngày 25/11/2021 thực hiện tiếp nhận và giải quyết 257 hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho các cá nhân, hộ gia đình (Cấp mới 28 giấy, Cấp biến động: 120 giấy; xác định biến động: 109 giấy). Bàn giao đất thực địa cho 08 hộ dân trúng đấu giá quyền sử dụng đất năm 2020).*

- *Công tác tài nguyên, môi trường:* Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao ý thức chấp hành các quy định trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường (*Cấp 02 giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường cho Công ty TNHH Thanh Bình tỉnh Điện Biên và HTX Na Lay*). Thực hiện giao đất, giao rừng giai đoạn 2021-2023 theo kế hoạch; Xử lý chất thải rắn đô thị đạt 100%. Tổng số các hộ gia đình sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh, đạt 100%. Tổ chức thực hiện thu gom, xử lý gần 4.680m³ rác thải; xử lý 81.000m³ nước thải đạt tiêu chuẩn thải ra môi trường.

2.2. Điều kiện xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch nhiệm vụ năm

học 2020-2021 phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19. Năm học 2021-2022, quy mô trường, lớp các cấp học được duy trì ổn định. Tỷ lệ huy động trẻ mầm non, học sinh phổ thông ra lớp đều đạt và vượt so với kế hoạch giao. Triển khai tốt nhiệm vụ giáo dục, đào tạo ngay từ đầu năm học; ổn định tổ chức, duy trì nề nếp, nâng cao chất lượng dạy và học. Tiếp tục thực hiện đổi mới Chương trình, sách giáo khoa đối với lớp 1 và triển khai thực hiện đổi mới lớp 2, lớp 6 theo lộ trình kế hoạch. Tiếp tục duy trì vững chắc và nâng cao chất lượng kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục - xóa mù chữ, trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia”.

- Toàn Thị xã có 13 trường, 134 lớp, 3.322 học sinh. Trong đó Mầm non 42 lớp, 820 trẻ; Tiểu học 53 lớp, 1.180 học sinh; THCS 24 lớp, 723 học sinh; 01 trường THPT, 15 lớp, 599 học sinh.

- 3/3 xã, phường và Thị xã tiếp tục duy trì và nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, chuẩn XMC mức độ 2.

- Thị xã có 13/13 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt 100%; 11/13 trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt 84,6%.

b) Công tác y tế

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về công tác y tế, tuyên truyền giáo dục về công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe sinh sản và các hoạt động khám chữa bệnh khác. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh. Năm 2021, số bác sỹ 18 bác sỹ; tỷ lệ bác sỹ/vạn dân, đạt 90,39% Kế hoạch và Nghị quyết HĐND Thị xã, tỷ lệ giường quốc lập/vạn dân đạt 70% so với Kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND Thị xã. 03/03 xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã 2011-2020, đạt 100%.

c) Văn hóa, thông tin

- *Văn hóa, thể dục, thể thao:* Các sự kiện, hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch tổ chức trong dịp đầu xuân Tân Sửu (trước các thời điểm dịch Covid-19 diễn biến phức tạp), đã tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong cộng đồng các dân tộc; linh hoạt tổ chức các giải thi đấu thể thao, nhất là tổ chức Đại hội TDTT cấp xã, phường và các chương trình văn hóa, văn nghệ phục vụ nhân dân phù hợp với tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ. Tổ chức thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn

hóa”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Năm 2021 ước có 4.094 người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên, đạt 100% kế hoạch; có 693 gia đình tham gia luyện tập thể thao, đạt 106,4% so với kế hoạch; có 03 câu lạc bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cơ sở tại 03 xã, phường; 03/03 xã, phường tổ chức thành công Đại hội thể dục, thể thao năm 2021.

- *Công tác truyền thanh - truyền hình*: Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các ngày Lễ, Tết, các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước và của địa phương. Chất lượng và thời lượng phát sóng truyền thanh, truyền hình đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Thị xã và nhu cầu thông tin của Nhân dân; Hàng tuần sản xuất 01 chương trình truyền thanh, 01 chuyên mục tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật thời lượng từ 25-30 phút/chương trình.

- *Công nghệ thông tin*: Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; sử dụng, khai thác có hiệu quả phần mềm Hệ Chương trình quản lý văn bản hồ sơ công việc Thị xã Mường Lay (TDOffice). Duy trì và nâng cấp Trang thông tin điện tử Thị xã. Duy trì cải tiến áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường.

d) Chính sách xã hội

- Tổng số người trong độ tuổi lao động 8.701 người, chiếm 75,17% so với dân số, đạt 127,17% so với kế hoạch tỉnh và Thị xã giao. Giải quyết và tạo việc làm cho 405 lao động, đạt 101% kế hoạch tỉnh, đạt 135% kế hoạch Thị xã. Tổ chức đào tạo nghề cho 245 lao động, đạt 102,1% kế hoạch tỉnh và 245% kế hoạch Thị xã giao. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị ước khoảng 0,38%.

- Giải quyết kịp thời, đúng chế độ chính sách, chi trả trợ cấp cho các gia đình chính sách, người có công cách mạng. Hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo quy định.

- Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em tiếp tục được quan tâm; Công tác “Vì sự tiến bộ Phụ nữ” và “Bình đẳng giới” được duy trì. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tệ nạn xã hội.

- Thực hiện tốt các chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021, số hộ nghèo cuối kỳ là 178

hộ, đạt 98,3% so với kế hoạch tỉnh, đạt 90,8% so với kế hoạch Thị xã giao. Tổng số hộ cận nghèo là 27 hộ, đạt 54% kế hoạch tỉnh và Thị xã giao.

2.3. Quốc phòng - An ninh

a) Quân sự - quốc phòng địa phương

Chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự Thị xã xây dựng kế hoạch công tác năm và các văn bản chỉ đạo, điều hành công tác quốc phòng quân sự địa phương đúng quy định, đạt chất lượng và hiệu quả tốt. Tổ chức thành công Lễ giao, nhận quân năm 2021 và bàn giao cho các đơn vị.

Chủ động trong công tác phòng, chống Dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn, quản lý chặt chẽ, duy trì lực lượng, quân số thường trực tại khu cách ly tập trung phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn Thị xã. Đảm bảo đủ các nhu yếu phẩm, các vật dụng sinh hoạt, công trình vệ sinh, điện, nước cho người được cách ly và các khu vực cho lực lượng chức năng, hoạt động trong khu cách ly đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân nâng cao cảnh giác, tích cực đấu tranh phòng chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội được đẩy mạnh.

b) An ninh, trật tự xã hội

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn luôn được giữ vững ổn định; không có vấn đề phức tạp nổi lên liên quan, tác động, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. Công tác tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân nâng cao cảnh giác, tích cực đấu tranh phòng chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội được đẩy mạnh. Xây dựng, triển khai các kế hoạch phòng, chống tội phạm; tăng cường tuần tra kiểm soát; liên tục thực hiện các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm; làm tốt công tác công tác phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ; công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố được đảm bảo.

Tiếp tục tuyên truyền, đẩy mạnh công tác phòng chống tội phạm và phòng chống dịch Covid-19. Kiểm soát chặt chẽ chống xuất, nhập cảnh trái phép để phòng chống dịch Covid-19, tiến hành rà soát người có liên quan, tiếp xúc gần với ca nhiễm Covid-19 trên địa bàn. Công tác bắt, điều tra, xử lý tội phạm được thực hiện theo đúng quy định, không để oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Thường xuyên rà soát hộ khẩu, nhân khẩu thường trú, tạm trú trên địa bàn. Tăng cường tuyên truyền và tuần tra kiểm soát bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy

chữa cháy. Thực hiện nghiêm công tác thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường

3.1. Thuận lợi

- Thị xã là điểm cuối của Quốc lộ 6 từ Hà Nội qua Hòa Bình, Mộc Châu, Sơn La, Tuần Giáo, là điểm giữa của Quốc lộ 12 nối thành phố Điện Biên Phủ và thành phố Lai Châu với chiều dài khoảng 200 km thuận tiện cho việc lưu thông hàng hóa với các vùng lân cận, có nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế và hội nhập.

- Có nguồn lao động dồi dào, trẻ là nguồn lực cho phát triển kinh tế trong giai đoạn tới.

3.2. Những hạn chế, khó khăn

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm, chưa đồng đều; lĩnh vực chăn nuôi tuy phát triển nhưng tỷ lệ đạt so với Kế hoạch giao thấp, quy mô sản xuất nhỏ, sản xuất theo hướng hàng hóa chưa được phát triển rộng rãi.

- Một số công trình, dự án giải ngân vốn đầu tư công, vốn đầu tư ngoài vốn đầu tư công còn chậm.

Phần II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021

1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Thực hiện Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên. Kết quả thực hiện các loại đất đến năm 2021 đã đạt được những thành tựu nhất định, giúp cho việc quản lý sử dụng đất trên địa bàn Thị xã đi vào quy củ và phục vụ tốt cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua. Cụ thể như sau:

1.1. Kết quả thực hiện các công trình, dự án

a) Kết quả thực hiện các công trình, dự án

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 được duyệt, trong năm 2021 trên địa bàn Thị xã Mường Lay dự kiến sẽ thực hiện 10 công trình, dự án với tổng diện tích 34,64 ha. Kết quả thực hiện các công trình, dự án trong năm 2021 như sau:

- Tổng số công trình, dự án đã thực hiện xong gồm 02 công trình, dự án (đạt tỷ lệ 20%) với diện tích thực hiện được theo kế hoạch là 2,84 ha (đạt tỷ lệ 8,20%). Cụ thể:

Bảng 2.1: Công trình, dự án đã thực hiện xong năm 2021

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Căn cứ pháp lý
1	Đầu tư thảm tăng cường lớp BTN mặt đường; cải tạo các đường cong có bán kính nhỏ; kiên cố hóa các công trình phòng hộ, thoát nước và chỉnh lý hướng tuyến tránh các đoạn sụt trượt trên QL12 đoạn Km102 - Km139+650, tỉnh Điện Biên	Xã Lay Nưa	2,80	Nghị quyết 347/NQ-HĐND ngày 28/11/2014
2	Xử lý sạt lở móng cột vị trí 256 đường dây 500Kv Sơn La - Lai Châu	Phường Na Lay	0,04	Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2017; Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 08/12/2020
Tổng			2,84	

(Chi tiết có Phụ biểu 01 kèm theo)

- Tổng số công trình, dự án dự kiến sẽ chuyển tiếp thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 08 công trình, dự án (*chiếm 80%*), với tổng diện tích 11,36 ha (*chiếm 32,79%*). Cụ thể:

Bảng 2.2: Công trình, dự án dự kiến sẽ chuyển tiếp thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022

STT	Hạng mục	Mã	Diện tích (ha)	Địa điểm	Căn cứ pháp lý
1	Trạm Thủy văn Mường Lay	TSC	0,15	Phường Sông Đà	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/7/2017
2	Đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Na Lay	ODT	0,79	Phường Na Lay	Thông báo số 248/TB-TU ngày 24/3/2022 của ban Thường vụ thị ủy cho chủ trương thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, để giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với 44 thửa đất ở trên địa bàn thị xã Mường Lay năm 2022; Tờ trình số 582/TTr-UBND ngày 18/3/2022 của UBND thị xã Mường Lay v/v xin chủ trương thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, để giao đất có thu tiền sử dụng đất, đối với 44 thửa đất ở trên địa bàn thị xã Mường Lay năm 2022
3	Điểm ĐCĐC Hồ Nậm Cắn, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay	ODT	7,00	Phường Na Lay	Nghị quyết 215/NQ-HĐND ngày 16/3/2021 của HĐND tỉnh Điện Biên v/v thông qua Báo cáo rà soát, tổng hợp nhu cầu và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Văn bản số 2130/SXD-KTQH XD ngày 21/10/2021 của Sở xây dựng v/v ý kiến thống nhất vị trí, địa điểm quy hoạch xây dựng Dự án Điểm ĐCĐC Hồ Nậm Cắn, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay; Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đề án thực hiện Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020, tỉnh Điện Biên

4	Đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Lay Nura	ONT	0,23	Xã Lay Nura	Thông báo số 248/TB-TU ngày 24/3/2022 của ban Thường vụ thị ủy cho chủ trương thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, để giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với 44 thửa đất ở trên địa bàn thị xã Mường Lay năm 2022; Tờ trình số 582/TTr-UBND ngày 18/3/2022 của UBND thị xã Mường Lay v/v xin chủ trương thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, để giao đất có thu tiền sử dụng đất, đối với 44 thửa đất ở trên địa bàn thị xã Mường Lay năm 2022
5	Lưới điện 0,4 KV bản Hồ Huổi Luông (8 km)	DNL	0,01	Xã Lay Nura	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 07/12/2018
6	Lưới điện 0,4 KV bản Hồ Nậm Cản (7 km)	DNL	0,01	Xã Lay Nura	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 07/12/2018
7	Lưới điện 0,4KV bản Huổi Luân (2 km) xã Lay Nura	DNL	0,01	Xã Lay Nura	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 07/12/2018
8	Nghĩa trang nhân dân Mường Lay	NTD	3,16	Xã Lay Nura	Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 08/12/2020
	Tổng		11,36		

b) Kết quả thực hiện nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình cá nhân trên địa bàn Thị xã

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt, dự kiến trong năm 2021 sẽ Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở nông thôn tại xã Lay Nura với diện tích 0,26 ha. Đến nay chưa có hộ nào được chuyển mục đích.

1.2. Đánh giá chỉ tiêu sử dụng đất

a) Đất nông nghiệp

Theo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt, năm 2021 đất nông nghiệp có diện tích là 9.508,33 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 9.562,49 ha, diện tích không đạt so với kế hoạch được duyệt là 54,16 ha.

Bảng 2.3. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp năm 2021

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
1	Đất nông nghiệp	NNP	9.508,33	9.562,49	54,16	100,57
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	687,47	687,07	-0,40	99,94
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>132,14</i>	<i>166,50</i>	<i>34,36</i>	<i>126,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.420,33	1.423,38	3,05	100,21
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	52,04	52,58	0,54	101,04
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.321,70	4.352,06	30,36	100,70
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.985,74	3.008,98	23,24	100,78
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>2.796,96</i>	<i>2.805,34</i>	<i>8,38</i>	<i>100,30</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	38,39	38,42	0,03	100,08
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,67		-2,67	

Cụ thể các loại đất như sau:

*** Đất trồng lúa**

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, đất trồng lúa có diện tích là 687,47 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 687,07 ha, diện tích không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 0,40 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất trồng lúa dự kiến giảm 0,24 ha do chuyển sang Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để thực hiện 02 công trình: Lưới điện 0,4 KV bản Hô Huổi Luông (8 km); Lưới điện 0,4 KV bản Huổi Luân (2 km) xã Lay Nưa.

Tuy nhiên đến nay, các công trình, dự án chưa thực hiện xong.

- Diện tích tăng 0,64 ha được lấy từ Đất trồng cây hàng năm khác để thực hiện Chuyển mục đích của các hộ dân.

Tuy nhiên đến nay chưa có hộ gia đình, cá nhân nào thực hiện chuyển mục đích. Do đó, diện tích đất trồng lúa không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 0,40 ha.

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước:

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, đất chuyên trồng lúa nước có diện tích là 132,14 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 166,50 ha, diện tích không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 34,36 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất chuyên trồng lúa nước dự kiến tăng 0,64 ha được lấy từ Đất trồng cây hàng năm khác để thực hiện Chuyển mục đích sang đất chuyên trồng lúa nước của hộ gia đình, cá nhân.

Tuy nhiên đến nay chưa thực hiện xong. Phần diện tích chênh lệch còn lại do cập nhật số liệu theo Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thị xã Mường Lay.

Do đó diện tích đất chuyên trồng lúa nước không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 34,36 ha.

**** Đất trồng cây hàng năm khác***

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, đất trồng cây hàng năm khác có diện tích là 1.420,33 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 1.423,38 ha, diện tích không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 3,05 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất trồng cây hàng năm khác dự kiến giảm 3,32 ha do chuyển sang: Đất trồng lúa 0,64 ha; Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã 1,06 ha; Đất ở tại nông thôn 0,07 ha. Diện tích đất giảm để xây dựng 05 công trình, dự án sau: Đầu tư thảm tăng cường lớp BTN mặt đường; cải tạo các đường cong có bán kính nhỏ; kiên cố hóa các công trình phòng hộ, thoát nước và chỉnh lý hướng tuyến tránh các đoạn sụt trượt trên QL12 đoạn Km102 - Km139+650, tỉnh Điện Biên; Lưới điện 0,4 KV bản Hô Huổi Luông (8 km); Lưới điện 0,4 KV bản Hô Nậm Cản (7 km)...; và thực hiện Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân.

Đến nay, thực hiện được 01 công trình, dự án: Đầu tư thảm tăng cường lớp BTN mặt đường; cải tạo các đường cong có bán kính nhỏ; kiên cố hóa các công trình phòng hộ, thoát nước và chỉnh lý hướng tuyến tránh các đoạn sụt trượt trên QL12 đoạn Km102 - Km139+650, tỉnh Điện Biên; 04 công trình, dự án chưa thực hiện xong.

Do đó diện tích đất trồng cây hàng năm khác không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 3,05 ha.

*** Đất trồng cây lâu năm**

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, đất trồng cây lâu năm có diện tích là 52,04 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 52,58 ha, diện tích không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 0,54 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất trồng cây lâu năm dự kiến giảm 0,55 ha do chuyển sang: Đất phát triển hạ tầng 0,36 ha; Đất ở tại nông thôn 0,18 ha, để thực hiện 03 công trình, dự án: Dự án đầu tư thảm tăng cường lớp BTN mặt đường; cải tạo các đường cong có bán kính nhỏ; kiên cố hóa các công trình phòng hộ, thoát nước và chỉnh lý hướng tuyến tránh các đoạn sụt trượt trên QL12 đoạn Km 102 - Km 139+650; Lưới điện 0,4 KV bản Hô Nậm Cản (7 km); Lưới điện 0,4 KV bản Huổi Luân (2 km) xã Lay Nưa; và thực hiện Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở của người dân trên địa bàn xã Lay Nưa.

Đến nay, các công trình, dự án chưa thực hiện xong. Phần diện tích chênh lệch còn lại do sai số khi tính toán.

Do đó diện tích đất trồng cây lâu năm không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 0,54 ha.

*** Đất lâm nghiệp**

Năm 2021, trên địa bàn Thị xã Mường Lay dự kiến thực hiện giao đất lâm nghiệp trên địa bàn các xã, phường với diện tích 555,85 ha. Đến nay, Thị xã đã thực hiện rà soát đất lâm nghiệp có rừng nhưng chưa giao cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư quản lý và bảo vệ để thực hiện giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp với diện tích 1.939,41 ha; Thực hiện rà soát diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng để thực hiện giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 1.549,77 ha.

*** Đất rừng phòng hộ**

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, đất rừng phòng hộ có diện tích là 4.321,70 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 4.352,06 ha, diện tích không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 30,36 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất rừng phòng hộ dự kiến giảm 10,90 ha do chuyển sang: Đất phát triển hạ tầng cấp

quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã 3,39 ha; Đất ở tại nông thôn 2,70 ha; Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 4,81 ha để thực hiện 04 công trình, dự án: Lưới điện 0,4 KV bản Hô Huổi Luông (8 km); Lưới điện 0,4 KV bản Hô Nậm Cản (7 km); Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số Bản Hô Nậm Cản, xã Lay Nưa thị xã Mường Lay; Nghĩa trang nhân dân Mường Lay.

Đến nay, các công trình, dự án chưa thực hiện xong. Phần diện tích chênh lệch còn lại do cập nhật lại hiện trạng rừng phòng hộ theo Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND Thị xã Mường Lay V/v Công bố hiện trạng rừng Thị xã Mường Lay năm 2021.

Do đó diện tích đất rừng phòng hộ không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 30,36 ha.

**** Đất rừng sản xuất***

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, đất rừng sản xuất có diện tích là 2.985,74 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 3.008,98 ha, diện tích không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 23,24 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất rừng sản xuất dự kiến giảm 14,86 ha do chuyển sang Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để thực hiện 05 công trình, dự án: Lưới điện 0,4 KV bản Hô Huổi Luông (8 km); Lưới điện 0,4 KV bản Hô Nậm Cản (7 km); Lưới điện 0,4 KV bản Huổi Luân (2 km) xã Lay Nưa; Nghĩa trang nhân dân Mường Lay; Xử lý sạt lở móng cột vị trí 256 đường dây 500Kv Sơn La - Lai Châu.

Đến nay, có 01 công trình, dự án thực hiện xong: Xử lý sạt lở móng cột vị trí 256 đường dây 500Kv Sơn La - Lai Châu; 04 công trình, dự án chưa thực hiện xong. Phần diện tích chênh lệch còn lại do cập nhật lại hiện trạng rừng sản xuất theo Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND Thị xã Mường Lay V/v Công bố hiện trạng rừng Thị xã Mường Lay năm 2021.

Do đó diện tích đất rừng sản xuất không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 23,24 ha.

Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên:

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, diện tích đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên là 2.796,96 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 2.805,34 ha, diện tích không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 8,38 ha. Nguyên nhân do cập nhật lại hiện trạng đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo Quyết

định số 17/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND Thị xã Mường Lay V/v Công bố hiện trạng rừng Thị xã Mường Lay năm 2021.

*** Đất nuôi trồng thủy sản**

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, đất nuôi trồng thủy sản có diện tích là 38,39 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 38,42 ha, diện tích không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 0,03 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất nuôi trồng thủy sản dự kiến giảm 0,03 ha do chuyển sang: Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã 0,02 ha; Đất ở tại nông thôn 0,01 ha, để thực hiện 02 công trình: Đầu tư thảm tăng cường lớp BTN mặt đường; cải tạo các đường cong có bán kính nhỏ; kiên cố hóa các công trình phòng hộ, thoát nước và chỉnh lý hướng tuyến tránh các đoạn sụt trượt trên QL12 đoạn Km102 - Km139+650, tỉnh Điện Biên; Lưới điện 0,4 KV bản Huổi Luân (2 km) xã Lay Nưa; và thực hiện Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở của người dân trên địa bàn xã Lay Nưa.

Đến nay, thực hiện được 01 công trình, dự án: Đầu tư thảm tăng cường lớp BTN mặt đường; cải tạo các đường cong có bán kính nhỏ; kiên cố hóa các công trình phòng hộ, thoát nước và chỉnh lý hướng tuyến tránh các đoạn sụt trượt trên QL12 đoạn Km102 - Km139+650, tỉnh Điện Biên; 01 công trình, dự án chưa thực hiện xong.

Do đó diện tích đất nuôi trồng thủy sản không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 0,03 ha.

*** Đất nông nghiệp khác**

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, đất nông nghiệp khác có diện tích là 2,67 ha, năm 2021 diện tích không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 2,67 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất nông nghiệp khác dự kiến tăng 2,67 ha được lấy từ Đất chưa sử dụng để thực hiện 04 dự án: Trang trại cây nông, lâm nghiệp, cây ăn quả đặc sản, lấy bóng mát đô thị và chăn nuôi gia súc, gia cầm; Phát triển kinh tế hộ gia đình thông qua Chăn nuôi bán chăn thả; Xây dựng nhà kho, sân phơi chế biến Nông - Lâm - Thủy sản; Xây dựng trang trại phát triển chăn nuôi, trồng cây ăn quả tại phường Na Lay.

Đến nay, các công trình, dự án chưa thực hiện xong.

Do đó diện tích đất nông nghiệp khác không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 2,67 ha.

b) Đất phi nông nghiệp

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất phi nông nghiệp được phê duyệt là 1.137,29 ha, năm 2021 diện tích là 1.106,75 ha, diện tích không đạt so với chỉ tiêu được duyệt là 30,54 ha.

Bảng 2.4. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2021

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.137,29	1.106,75	-30,54	97,31
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,44	1,44		100,00
2.2	Đất an ninh	CAN	2,94	2,94		100,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	10,46	10,46		100,00
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,81	0,79	-0,02	97,53
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	2,13	2,13		100,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	285,69	286,05	0,36	100,13
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	131,53	187,63	56,10	142,65
-	Đất thủy lợi	DTL	49,88	19,93	-29,95	39,96
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,50	0,50		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	2,70	2,70		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	14,17	14,17		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	5,36	5,37	0,01	100,19
-	Đất công trình năng	DNL	9,95	3,27	-6,68	32,86

	lượng					
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,48	0,47	-0,01	97,92
-	Đất xây dựng kho lưu trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	8,30	8,31	0,01	100,12
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	6,55	6,55		100,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON				
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	54,28	35,17	-19,11	64,79
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH				
-	Đất chợ	DCH	1,99	1,98	-0,01	99,50
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,79	2,79		100,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,83	4,83		100,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	47,17	44,38	-2,79	94,09
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	38,15	37,95	-0,20	99,48
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7,70	7,55	-0,15	98,05
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,02	1,02		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,04	0,04		100,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	703,92	704,00	0,08	100,01
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,25	0,25		100,00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13	0,13		100,00

Chi tiết từng loại đất như sau:

*** Đất quốc phòng**

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, diện tích đất quốc phòng là 1,44 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 1,44 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

*** Đất an ninh**

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, diện tích đất an ninh là 2,94 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 2,94 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

*** Đất thương mại, dịch vụ**

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, diện tích đất thương mại, dịch vụ là 10,46 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 10,46 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

*** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 0,81 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 0,79 ha, diện tích không đạt so với kế hoạch là 0,02 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp dự kiến tăng 0,01 ha để thực hiện Chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phường Na Lay.

Tuy nhiên đến nay chưa thực hiện xong. Phần diện tích chênh lệch còn lại do sai số khi tính toán.

Do đó diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp không đạt so với kế hoạch được duyệt là 0,02 ha.

*** Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm**

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 2,13 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 2,13 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

*** Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã**

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 285,69 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 286,05 ha, diện tích không đạt so với kế hoạch là 0,36 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã dự kiến tăng 9,21 ha được lấy từ: Đất trồng lúa 0,24 ha; Đất trồng cây hàng năm khác 1,06 ha; Đất trồng cây lâu năm 0,36 ha; Đất rừng phòng hộ 3,39 ha; Đất rừng sản xuất 2,10 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 0,02 ha; Đất ở tại nông thôn 0,58 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,03 ha; Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,06 ha; Đất sông,

ngòi, kênh, rạch, suối 0,08 ha; Đất chưa sử dụng 1,29 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện 06 công trình, dự án, một số công trình như sau: Đầu tư thảm tăng cường lớp BTN mặt đường; cải tạo các đường cong có bán kính nhỏ; kiên cố hóa các công trình phòng hộ, thoát nước và chỉnh lý hướng tuyến tránh các đoạn sụt trượt trên QL12 đoạn Km102 - Km139+650, tỉnh Điện Biên; Lưới điện 0,4 KV bản Hô Huổi Luông (8 km); Lưới điện 0,4 KV bản Hô Nậm Cản (7 km)....

Đến nay, có 01 công trình, dự án thực hiện xong: Đầu tư thảm tăng cường lớp BTN mặt đường; cải tạo các đường cong có bán kính nhỏ; kiên cố hóa các công trình phòng hộ, thoát nước và chỉnh lý hướng tuyến tránh các đoạn sụt trượt trên QL12 đoạn Km102 - Km139+650, tỉnh Điện Biên; 05 công trình, dự án chưa thực hiện xong.

Do đó diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã không đạt so với kế hoạch được duyệt là 0,36 ha.

**** Đất sinh hoạt cộng đồng***

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng là 2,79 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 2,79 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**** Đất khu vui chơi, giải trí công cộng***

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 4,83 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 4,83 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**** Đất ở tại nông thôn***

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất ở tại nông thôn được duyệt là 47,17 ha, năm 2021 diện tích là 44,38 ha, diện tích không đạt so với kế hoạch là 2,79 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất ở tại nông thôn dự kiến tăng 2,96 ha được lấy từ: Đất trồng cây hàng năm khác 0,07 ha; Đất trồng cây lâu năm 0,18 ha; Đất rừng phòng hộ 2,70 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 0,01 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số Bản Hô Nậm Cản, xã Lay Nưa thị xã Mường Lay và thực hiện chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn tại xã Lay Nưa. Tuy nhiên đến nay chưa thực hiện xong.

- Diện tích giảm 0,58 ha do chuyển sang Đất phát triển hạ tầng cấp quốc

gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để thực hiện 04 công trình, dự án: Đầu tư thảm tăng cường lớp BTN mặt đường; cải tạo các đường cong có bán kính nhỏ; kiên cố hóa các công trình phòng hộ, thoát nước và chỉnh lý hướng tuyến tránh các đoạn sụt trượt trên QL12 đoạn Km102 - Km139+650, tỉnh Điện Biên; Lưới điện 0,4 KV bản Hô Huổi Luông (8 km); Lưới điện 0,4 KV bản Hô Nậm Cản (7 km); Lưới điện 0,4 KV bản Huổi Luân (2 km) xã Lay Nưa. Đến nay 01 công trình, dự án thực hiện xong: Đầu tư thảm tăng cường lớp BTN mặt đường; cải tạo các đường cong có bán kính nhỏ; kiên cố hóa các công trình phòng hộ, thoát nước và chỉnh lý hướng tuyến tránh các đoạn sụt trượt trên QL12 đoạn Km102 - Km139+650, tỉnh Điện Biên; 03 công trình, dự án chưa thực hiện xong.

Do đó diện tích đất ở tại nông thôn không đạt so với kế hoạch được duyệt là 2,79 ha.

**** Đất ở tại đô thị***

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất ở tại đô thị được duyệt là 38,15 ha, năm 2021 diện tích là 37,95 ha, diện tích không đạt so với kế hoạch là 0,20 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất ở tại đô thị dự kiến tăng 0,20 ha được lấy từ Đất chưa sử dụng để thực hiện Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại phường Na Lay.

Tuy nhiên đến nay công trình chưa thực hiện xong. Do đó, diện tích đất ở tại đô thị không đạt so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 0,20 ha.

**** Đất xây dựng trụ sở cơ quan***

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan được duyệt là 7,70 ha, năm 2021 diện tích là 7,55 ha, diện tích không đạt so với kế hoạch là 0,15 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan dự kiến tăng 0,15 ha được lấy từ Đất chưa sử dụng để xây dựng Trạm thủy văn Mường Lay. Tuy nhiên, đến nay công trình chưa thực hiện xong.

- Diện tích giảm 0,03 ha do chuyển sang Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để thực hiện dự án Đầu tư thảm tăng cường lớp BTN mặt đường; cải tạo các đường cong có bán kính nhỏ; kiên cố hóa các công trình phòng hộ, thoát nước và chỉnh lý hướng tuyến tránh các đoạn sụt trượt trên QL12 đoạn Km102 - Km139+650, tỉnh Điện Biên. Đến nay, dự án đã thực hiện xong.

Do đó diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan không đạt so với kế hoạch được duyệt là 0,15 ha.

**** Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp***

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 1,02 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 1,02 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**** Đất tín ngưỡng***

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, diện tích đất tín ngưỡng là 0,04 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 0,04 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**** Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối***

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối được duyệt là 703,92 ha, năm 2021 diện tích là 704,00 ha, diện tích không đạt so với kế hoạch là 0,08 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối dự kiến giảm 0,08 ha do chuyển sang Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, để thực hiện 03 công trình, dự án: Lưới điện 0,4 KV bản Hô Huổi Luông (8 km): 0,01 ha; Lưới điện 0,4 KV bản Hô Nậm Cản (7 km): 0,03 ha; Lưới điện 0,4 KV bản Huổi Luân (2 km) xã Lay Nưa: 0,08 ha.

Đến nay, các công trình, dự án chưa thực hiện xong.

Do đó diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối không đạt so với kế hoạch được duyệt là 0,08 ha.

**** Đất có mặt nước chuyên dùng***

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng là 0,25 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 0,25 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**** Đất phi nông nghiệp khác***

Theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2021, diện tích đất phi nông nghiệp khác là 0,13 ha, hiện trạng năm 2021 diện tích là 0,13 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

c) Đất chưa sử dụng

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất chưa sử dụng được duyệt là 620,93 ha, năm 2021 diện tích là 597,32 ha, diện tích không đạt so với kế hoạch đề ra là 23,61 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích đất chưa sử dụng dự kiến giảm 4,31 ha do chuyển sang: Đất nông nghiệp khác 2,67 ha; Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã 1,29 ha; Đất ở tại đô thị 0,20 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,15 ha. Diện tích giảm để thực hiện 09 công trình, dự án: Đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Na Lay; Lưới điện 0,4KV bản Huổi Luân (2km) xã Lay Nưa; Trạm Thủy văn Mường Lay; ...

Đến nay, 01 công trình, dự án thực hiện xong: Đầu tư thảm tăng cường lớp BTN mặt đường; cải tạo các đường cong có bán kính nhỏ; kiên cố hóa các công trình phòng hộ, thoát nước và chỉnh lý hướng tuyến tránh các đoạn sụt trượt trên QL12 đoạn Km102 - Km139+650, tỉnh Điện Biên; 08 công trình, dự án chưa thực hiện xong. Phần diện tích chênh lệch còn lại do cập nhật diễn biến hiện trạng rừng chuyển đất chưa sử dụng sang đất lâm nghiệp.

Do đó diện tích đất chưa sử dụng không đạt so với kế hoạch được duyệt là 23,61 ha.

2. Đánh giá tồn tại và nguyên nhân trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021

2.1. Tồn tại

- Về số lượng công trình: Tổng số công trình, dự án được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 là 10 công trình, dự án. Trong đó:

+ Công trình thực hiện xong: 02/10 công trình, dự án đạt 20%.

+ Công trình, dự án chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2022: 08/10 công trình, dự án.

- Về chỉ tiêu sử dụng đất:

+ Đối với các chỉ tiêu đất nông nghiệp: 07 chỉ tiêu không đạt so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các công trình, dự án sử dụng quỹ đất nông nghiệp chưa thực hiện xong.

+ Đối với chỉ tiêu đất phi nông nghiệp: có 06 chỉ tiêu không đạt và 10 chỉ tiêu đạt so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các công trình, dự án thực hiện năm 2021 chưa thực hiện xong.

+ Đối với chỉ tiêu đất chưa sử dụng: thực hiện không đạt so với kế hoạch sử dụng đất được duyệt, do các công trình, dự án sử dụng vào loại đất này chưa thực hiện xong.

2.2. Nguyên nhân tồn tại trong quá trình thực hiện công trình

- Thời gian thực hiện các thủ tục pháp lý như: Chấp thuận chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, đấu thầu lựa chọn nhà thầu... của các công trình, dự án mất rất nhiều thời gian dẫn đến làm chậm tiến độ thực hiện các dự án.

- Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, phải lùi tiến độ thực hiện.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn làm chậm tiến độ xây dựng.

- Sự thiếu hụt nguồn vốn dẫn đến nhiều danh mục công trình được dự kiến thực hiện nhưng không thể xây dựng được.

PHẦN III

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Hiện nay, kế hoạch sử dụng đất 5 năm tỉnh Điện Biên chưa được Chính phủ phê duyệt, do đó chưa có chỉ tiêu phân bổ kế hoạch sử dụng đất cho các huyện, thành phố. Việc đánh giá chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 Thị xã Mường Lay so với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh sẽ được đánh giá sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất.

2. Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Chuyển tiếp 05 chỉ tiêu sử dụng đất (*Đất xây dựng trụ sở cơ quan; Đất ở tại đô thị; Đất ở tại nông thôn; Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; Đất công trình năng lượng*) trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 sang kế hoạch sử dụng đất năm 2022 để thực hiện 08 công trình, dự án với tổng diện tích 11,36 ha. Cụ thể như sau:

Bảng 3.1: Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2022

STT	Chỉ tiêu	TT dự án	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Căn cứ pháp lý
1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1	Trạm Thủy văn Mường Lay	0,15	Phường Sông Đà	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/7/2017
2	Đất ở tại đô thị	2	Đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Na Lay	0,79	Phường Na Lay	Thông báo số 248/TB-TU ngày 24/3/2022 của ban Thường vụ thị ủy; Tờ trình số 582/TTr-UBND ngày 18/3/2022 của UBND thị xã Mường Lay
		3	Điểm ĐCĐC Hồ Nậm Cắn, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay	7,00	Phường Na Lay	Nghị quyết 215/NQ-HĐND ngày 16/3/2021 của HĐND tỉnh Điện Biên v/v thông qua Báo cáo rà soát, tổng

						hợp nhu cầu và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Văn bản số 2130/SXD- KTQH XD ngày 21/10/2021 của Sở xây dựng; Quyết định số 120/QĐ- UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh Điện Biên
3	Đất ở tại nông thôn	4	Đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Lay Nưa	0,23	Xã Lay Nưa	Thông báo số 248/TB-TU ngày 24/3/2022 của ban Thường vụ thị ủy; Tờ trình số 582/TTr- UBND ngày 18/3/2022
4	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	5	Nghĩa trang nhân dân Mường Lay	3,16	Xã Lay Nưa	Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 08/12/2020
5	Đất công trình năng lượng	6	Lưới điện 0,4 KV bản Hô Huổi Luông (8 km)	0,01	Xã Lay Nưa	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 7/12/2018
		7	Lưới điện 0,4 KV bản Hô Nậm Cản (7 km)	0,01	Xã Lay Nưa	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 07/12/2018
		8	Lưới điện 0,4KV bản Huổi Luân (2 km) xã Lay Nưa	0,01	Xã Lay Nưa	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 07/12/2018
Tổng				11,36		

2.2. Nhu cầu sử dụng đất của tổ chức và hộ gia đình, cá nhân

a) Các công trình, dự án năm 2022

Các công trình, dự án năm 2022 bao gồm 17 công trình, dự án với tổng diện tích 2.006,44 ha. Chi tiết như sau:

Bảng 3.2: Các công trình, dự án năm 2022

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Căn cứ pháp lý
1	Đường giao thông nội thị các khu thị xã Mường Lay thuộc dự án ổn định dân cư phát triển kinh tế xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La thị xã Mường Lay	1,89	Xã Lay Nưa	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 22/8/2021 của HĐND tỉnh Điện Biên về chủ trương đầu tư dự án: Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La thị xã Mường Lay.
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng trạm thu phát sóng mạng di động Vinaphone của VNPT Điện Biên trên địa bàn tỉnh Điện Biên	0,03	Phường Sông Đà	Văn bản chấp thuận số 1837/UBND-VX ngày 27/6/2016
3	Xây dựng Trụ sở Hạt Kiểm Lâm Mường Lay	0,13	Phường Na Lay	Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tại các khu tái định cư Nậm Cắn, Đồi Cao thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên; Công văn số 1023/UBND-KTN ngày 07/4/2022 của UBND tỉnh Điện Biên v/v điều chỉnh dự án Đầu tư nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020
4	Xây dựng, tôn tạo di tích khu nghi mát Pú Vạt (Pú Vạt)-đường giao thông Đồi Cao-Pú Vạt (Pú Vạt)-Nậm Cắn	18,65	Xã Lay Nưa	Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế, xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 22/8/2021 của HĐND tỉnh Điện Biên về chủ trương đầu tư dự án: Ổn định dân cư phát triển kinh tế xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La thị xã Mường Lay
5	Thao trường huấn luyện tổng hợp	4,93	Xã Lay Nưa	Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 27/3/2022 của UBND thị xã Mường Lay v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Thao trường huấn luyện thị xã Mường Lay (giai đoạn 1)
6	Điểm định canh định cư Hô Huổi	2,70	Xã Lay Nưa	Nghị quyết 215/NQ-HĐND ngày 16/3/2021 của HĐND tỉnh Điện Biên v/v thông qua Báo

	Luông, xã Lay Nua, thị xã Mường Lay			cáo rà soát, tổng hợp nhu cầu và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Văn bản số 2131/SXD-KTQH XD ngày 21/10/2021 của Sở xây dựng v/v ý kiến thống nhất vị trí, địa điểm quy hoạch xây dựng Dự án Điểm ĐCĐC Hồ Huổi Luông A, xã Lay Nua, thị xã Mường Lay; Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đề án thực hiện Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020, tỉnh Điện Biên
7	Kế hoạch giao đất lâm nghiệp trên địa bàn Thị xã	1.963,35	Các xã, phường	Kế hoạch số 1393/KH-UBND ngày 24/6/2021 của UBND thị xã Mường Lay v/v rà soát, hoàn chỉnh việc giao đất, giao rừng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2019-2023 trên địa bàn thị xã Mường Lay
8	Đấu giá xây dựng Trang trại chăn nuôi Gà Mía thả vườn, nuôi cá rô Phi kết hợp trồng cây ăn quả	1,54	Xã Lay Nua	Thông báo số 230/TB-TU ngày 03/3/2022 của Ban thường vụ thị ủy cho chủ trương thuê đất để xây dựng trang trại chăn nuôi Gà Mía thả vườn, nuôi cá rô phi kết hợp trồng cây ăn quả trên địa bàn xã Lay Nua thị xã Mường Lay
9	Đấu giá đất	0,01	Phường Na Lay	
10	Đấu giá quyền sử dụng đất	1,57	Phường Sông Đà	Thông báo số 248/TB-TU ngày 24/3/2022 của ban Thường vụ thị ủy cho chủ trương thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, để giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với 44 thửa đất ở trên địa bàn thị xã Mường Lay năm 2022; Tờ trình số 582/TTr-UBND ngày 18/3/2022 của UBND thị xã Mường Lay v/v xin chủ trương thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, để giao đất có thu tiền sử dụng đất, đối với 44 thửa đất ở trên địa bàn thị xã Mường Lay năm 2022
11	Trang trại cây nông, lâm nghiệp, cây ăn quả đặc sản, lấy bóng mát đô thị và chăn nuôi gia súc, gia cầm	2,13	Phường Na Lay	QĐ 485/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh Điện Biên v/v Quyết định chủ trương đầu tư
12	Xây dựng trang trại phát triển chăn nuôi, trồng cây ăn quả tại phường Na Lay	0,10	Phường Na Lay	Thông báo số 415-TB/TU của Thường trực thị ủy v/v cho chủ trương đầu tư phương án Xây dựng trang trại phát triển chăn nuôi, trồng cây ăn quả tại Phường Na Lay, thị xã Mường Lay

13	Trồng cây Quế phát triển kinh tế trên địa bàn thị xã Mường Lay tỉnh Điện Biên	8,62	Phường Na Lay	
14	Trường mầm non Bản Lé (Điểm trường bản Hua Huổi Luông)	0,09	Xã Lay Nưa	
15	Trường mầm non Bản Lé (Điểm trường bản Ho Cang)	0,02	Xã Lay Nưa	
16	Trường mầm non Bản Lé (Điểm trường bản Lé)	0,04	Xã Lay Nưa	
17	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất chuyên trồng lúa nước	0,64	Phường Sông Đà	
	Tổng cộng	2.006,44		

b) Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân

Trong năm 2022, trên địa bàn Thị xã Mường Lay có 19 hộ gia đình, cá nhân tại xã Lay Nưa đăng ký xin chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn với tổng diện tích: 0,184 ha; 01 hộ gia đình, cá nhân tại xã Lay Nưa có nhu cầu đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nuôi trồng thủy sản sang đất ở tại nông thôn với diện tích 0,01 ha; 02 hộ gia đình, cá nhân tại phường Na Lay có nhu cầu đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp với tổng diện tích 0,04 ha; 11 hộ gia đình, cá nhân tại xã Lay Nưa có nhu cầu đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở tại nông thôn với diện tích 0,10 ha.

c) Giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp

Trong năm 2022, trên địa bàn Thị xã dự kiến thực hiện cấp giấy chứng nhận đất lâm nghiệp với tổng diện tích là 1.963,35 ha; trong đó: diện tích có rừng là 1.756,28 ha; diện tích chưa có rừng là 207,07 ha.

3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

3.1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất trong năm 2022 Thị xã Mường Lay

Bảng 3.3: Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất trong năm 2022 Thị xã Mường Lay

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2021 (ha)	Diện tích năm 2022 (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	Tổng diện tích tự nhiên		11.266,56	11.266,56	
1	Đất nông nghiệp	NNP	9.562,49	9.557,82	-4,67
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	687,07	687,71	0,64
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>166,50</i>	<i>167,14</i>	<i>0,64</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.423,38	1.205,99	-217,39
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	52,58	51,77	-0,81
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.352,06	4.352,06	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.008,98	3.218,22	209,24
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>2.805,34</i>	<i>2.799,03</i>	<i>-6,31</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	38,42	38,30	-0,12
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH		3,77	3,77
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.106,75	1.134,27	27,52
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,44	6,37	4,93
2.2	Đất an ninh	CAN	2,94	2,94	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	10,46	10,46	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,79	0,83	0,04
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	2,13	2,13	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	286,05	296,21	10,16
	<i>Trong đó:</i>				
-	Đất giao thông	DGT	187,63	194,58	6,95
-	Đất thủy lợi	DTL	19,93	19,93	

-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,50	0,50	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	2,70	2,69	-0,01
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	14,17	14,17	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	5,37	5,37	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3,27	3,30	0,03
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,47	0,50	0,03
-	Đất xây dựng kho lưu trữ quốc gia	DKG			
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	8,31	8,31	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	6,55	6,55	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON			
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	35,17	38,33	3,16
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH			
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH			
-	Đất chợ	DCH	1,98	1,98	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,79	2,79	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,83	4,83	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	44,38	47,60	3,22
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	37,95	47,32	9,37
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7,55	7,82	0,27
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,02	1,02	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,04	0,04	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	704,00	703,54	-0,46
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,25	0,25	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13	0,13	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	597,32	574,47	-22,85

Chi tiết các loại đất như sau:

a) Nhóm đất nông nghiệp

Nhóm đất nông nghiệp năm 2021 của Thị xã có diện tích 9.562,49 ha. Đến năm 2022, diện tích nhóm đất nông nghiệp có 9.557,82 ha, giảm 4,67 ha so với hiện trạng năm 2021. Chi tiết các loại đất chi tiêu như sau:

*** Đất trồng lúa**

Nhu cầu sử dụng đất trồng lúa trong năm 2022 như sau:

- Diện tích đất trồng lúa không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 687,07 ha.

- Diện tích tăng 0,64 ha được lấy từ Đất trồng cây hàng năm khác để thực hiện Chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất chuyên trồng lúa nước (*tại phường Sông Đà*).

Đến năm 2022, diện tích đất trồng lúa của Thị xã là 687,71 ha, tăng 0,64 ha so với hiện trạng năm 2021.

- Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước:

Nhu cầu sử dụng đất chuyên trồng lúa nước trong năm 2022 như sau:

+ Diện tích đất chuyên trồng lúa nước không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 166,50 ha.

+ Diện tích tăng 0,64 ha được lấy từ Đất trồng cây hàng năm khác để thực hiện Chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất chuyên trồng lúa nước (*tại phường Sông Đà*).

Đến năm 2022, diện tích đất chuyên trồng lúa nước của Thị xã là 167,14 ha, tăng 0,64 ha so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất trồng cây hàng năm khác**

Nhu cầu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 1.205,99 ha.

- Diện tích giảm 217,39 ha do chuyển sang:

+ Đất trồng lúa: 0,64 ha (*Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước: 0,64 ha*);

+ Đất rừng sản xuất: 207,07 ha;

+ Đất quốc phòng: 3,71 ha;

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,04 ha;

+ Đất công trình năng lượng: 0,03 ha;

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 3,07 ha;

+ Đất ở tại nông thôn: 2,15 ha;

+ Đất ở tại đô thị: 0,69 ha.

Diện tích giảm để thực hiện các công trình, dự án cụ thể sau:

- + Điểm ĐCĐC Hồ Nậm Cản, xã Lay Nura, thị xã Mường Lay;
- + Điểm định canh định cư Hồ Huổi Luông, xã Lay Nura, thị xã Mường Lay;
- + Chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất chuyên trồng lúa nước (*tại phường Sông Đà*);
- + Thao trường huấn luyện tổng hợp;
- + Lưới điện 0,4 KV bản Hồ Huổi Luông (8 km);
- + Lưới điện 0,4 KV bản Hồ Nậm Cản (7 km);
- + Lưới điện 0,4 KV bản Huổi Luân (2 km) xã Lay Nura;
- + Nghĩa trang nhân dân Mường Lay;
- + Kế hoạch giao đất lâm nghiệp trên địa bàn Thị xã;
- + Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân (*11 hộ ở xã Lay Nura; 02 hộ ở phường Na Lay*).

Đến năm 2022, diện tích đất trồng cây hàng năm khác của Thị xã là 1.205,99 ha, giảm 217,39 ha so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất trồng cây lâu năm**

Nhu cầu sử dụng đất trồng cây lâu năm trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 51,77 ha.

- Diện tích giảm 0,81 ha do chuyển sang:

+ Đất nông nghiệp khác: 0,08 ha;

+ Đất ở tại nông thôn: 0,38 ha;

+ Đất quốc phòng: 0,35 ha.

Diện tích giảm để thực hiện các công trình, dự án cụ thể sau:

- + Xây dựng trang trại phát triển chăn nuôi, trồng cây ăn quả tại phường Na Lay;
- + Điểm định canh định cư Hồ Huổi Luông, xã Lay Nura, thị xã Mường Lay;
- + Thao trường huấn luyện tổng hợp;

+ Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân (19 hộ ở xã Lay Nưa).

Đến năm 2022, diện tích đất trồng cây lâu năm của Thị xã là 51,77 ha, giảm 0,81 ha so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất lâm nghiệp**

Trong năm 2022, trên địa bàn Thị xã dự kiến thực hiện cấp giấy chứng nhận đất lâm nghiệp với tổng diện tích là 1.963,35 ha; trong đó: diện tích có rừng là 1.756,28 ha; diện tích chưa có rừng là 207,07 ha.

*** Đất rừng phòng hộ**

Đến năm 2022, diện tích đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thị xã là 4.352,06 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất rừng sản xuất**

Nhu cầu sử dụng đất rừng sản xuất trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 3.002,53 ha.

- Diện tích giảm 6,45 ha do chuyển sang:

+ Đất quốc phòng: 0,14 ha;

+ Đất ở tại đô thị: 6,31 ha.

Diện tích giảm để thực hiện 02 công trình, dự án:

+ Điểm ĐCĐC Hồ Nậm Cắn, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay;

+ Thao trường huấn luyện tổng hợp.

- Diện tích tăng 215,69 ha được lấy từ:

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 207,07 ha;

+ Đất chưa sử dụng: 8,62 ha.

Diện tích tăng để thực hiện 02 công trình, dự án cụ thể sau:

+ Kế hoạch giao đất lâm nghiệp trên địa bàn Thị xã;

+ Trồng cây Quế phát triển kinh tế trên địa bàn thị xã Mường Lay tỉnh Điện Biên.

Đến năm 2022, diện tích đất rừng sản xuất của Thị xã là 3.218,22 ha, tăng 209,24 ha so với hiện trạng năm 2021.

- Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên:

Nhu cầu sử dụng đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 2.799,03 ha.
- Diện tích giảm 6,31 ha do chuyển sang Đất ở tại đô thị.
- Diện tích giảm để thực hiện dự án Điểm ĐCĐC Hô Nậm Cản, xã Lay Nura, thị xã Mường Lay.

Đến năm 2022, diện tích đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên của Thị xã là 2.799,03 ha, giảm 6,31 ha so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất nuôi trồng thủy sản**

Nhu cầu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 38,30 ha.
- Diện tích giảm 0,12 ha do chuyển sang:
 - + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,06 ha;
 - + Đất ở tại nông thôn: 0,06 ha.
- Diện tích giảm để thực hiện các công trình, dự án cụ thể sau:
 - + Điểm định canh định cư Hô Huổi Luông, xã Lay Nura, thị xã Mường Lay;
 - + Nghĩa trang nhân dân Mường Lay;
 - + Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân (01 hộ ở xã Lay Nura).

Đến năm 2022, diện tích đất nuôi trồng thủy sản của Thị xã là 38,30 ha, giảm 0,12 ha so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất nông nghiệp khác**

Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp khác trong năm 2022 như sau:

- Diện tích tăng 3,77 ha được lấy từ:
 - + Đất trồng cây lâu năm: 0,08 ha;
 - + Đất giao thông: 0,02 ha;
 - + Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 0,46 ha;

- + Đất chưa sử dụng: 3,21 ha.
- Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án cụ thể sau:
 - + Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi Gà Mía thả vườn, nuôi cá rô phi kết hợp trồng cây ăn quả;
 - + Xây dựng trang trại phát triển chăn nuôi, trồng cây ăn quả tại phường Na Lay;
 - + Trang trại cây nông, lâm nghiệp, cây ăn quả đặc sản, lấy bóng mát đô thị và chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Đến năm 2022, diện tích đất nông nghiệp khác của Thị xã là 3,77 ha, tăng 3,77 ha so với hiện trạng năm 2021.

b) Nhóm đất phi nông nghiệp

Nhóm đất phi nông nghiệp năm 2021 của Thị xã có diện tích 1.106,75 ha. Đến năm 2022, diện tích nhóm đất phi nông nghiệp có 1.134,27 ha, tăng 27,52 ha so với hiện trạng năm 2021. Chi tiết các loại đất chỉ tiêu như sau:

**** Đất quốc phòng***

Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 1,44 ha.
- Diện tích tăng 4,93 ha được lấy từ:
 - + Đất trồng cây hàng năm khác: 3,71 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm: 0,35 ha;
 - + Đất rừng sản xuất: 0,14 ha;
 - + Đất giao thông: 0,26 ha;
 - + Đất xây dựng cơ sở y tế: 0,01 ha;
 - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,01 ha;
 - + Đất chưa sử dụng: 0,45 ha.
- Diện tích tăng để thực hiện công trình Thao trường huấn luyện tổng hợp.

Đến năm 2022, diện tích đất quốc phòng của Thị xã là 6,37 ha, tăng 4,93 ha so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất an ninh**

Đến năm 2022, diện tích đất an ninh trên địa bàn Thị xã là 2,94 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất thương mại, dịch vụ**

Đến năm 2022, diện tích đất thương mại, dịch vụ trên địa bàn Thị xã là 10,46 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

Nhu cầu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 0,79 ha.

- Diện tích tăng 0,04 ha được lấy từ Đất trồng cây hàng năm khác để thực hiện Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân (02 hộ ở phường Na Lay).

Đến năm 2022, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của Thị xã là 0,83 ha, tăng 0,04 ha so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm**

Đến năm 2022, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm trên địa bàn Thị xã là 2,13 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã**

Nhóm đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã năm 2021 của Thị xã có diện tích 286,05 ha. Đến năm 2022, diện tích nhóm đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có 296,21 ha, tăng 10,16 ha so với hiện trạng năm 2021. Trong đó:

• Đất giao thông:

Nhu cầu sử dụng đất giao thông trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 187,35 ha.

- Diện tích giảm 0,28 ha do chuyển sang:

+ Đất quốc phòng: 0,26 ha;

+ Đất nông nghiệp khác: 0,02 ha.

Diện tích giảm để thực hiện các công trình, dự án sau:

+ Xây dựng trang trại phát triển chăn nuôi, trồng cây ăn quả tại phường Na Lay;

+ Thao trường huấn luyện tổng hợp.

- Diện tích tăng 7,23 ha được lấy từ Đất chưa sử dụng để thực hiện công trình Xây dựng, tôn tạo di tích khu nghỉ mát Pú Vạt (Pú Vạt)-đường giao thông Đồi Cao-Pú Vạt (Pú Vạt)-Nậm Cắn.

Đến năm 2022, diện tích đất giao thông của Thị xã là 194,58 ha, giảm 6,95 ha so với hiện trạng năm 2021.

• Đất thủy lợi:

Đến năm 2022, diện tích đất thủy lợi trên địa bàn Thị xã là 19,93 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

• Đất xây dựng cơ sở văn hóa:

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2022 là 0,50 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

• Đất xây dựng cơ sở y tế:

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 2,69 ha.

- Diện tích giảm 0,01 ha do chuyển sang Đất quốc phòng để thực hiện công trình Thao trường huấn luyện tổng hợp.

Đến năm 2022, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế của Thị xã là 2,69 ha, giảm 0,01 ha so với hiện trạng năm 2021.

• Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2022 là 14,17 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

• Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:

Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao năm 2022 là 5,37 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

• Đất công trình năng lượng:

Nhu cầu sử dụng đất công trình năng lượng trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021

là 3,27 ha.

- Diện tích tăng 0,03 ha được lấy từ Đất trồng cây hàng năm khác để thực hiện các công trình, dự án sau:

- + Lưới điện 0,4 KV bản Hô Huổi Luông (8 km);
- + Lưới điện 0,4 KV bản Hô Nậm Cản (7 km);
- + Lưới điện 0,4 KV bản Huổi Luân (2 km) xã Lay Nưa.

Đến năm 2022, diện tích đất công trình năng lượng của Thị xã là 3,30 ha, tăng 0,03 ha so với hiện trạng năm 2021.

• Đất công trình bưu chính, viễn thông:

Nhu cầu sử dụng đất công trình bưu chính, viễn thông trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 0,47 ha.

- Diện tích tăng 0,03 ha được lấy từ Đất chưa sử dụng để thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng trạm thu phát sóng mạng di động Vinaphone của VNPT Điện Biên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Đến năm 2022, diện tích đất công trình bưu chính, viễn thông của Thị xã là 0,50 ha, tăng 0,03 ha so với hiện trạng năm 2021.

• Đất có di tích lịch sử - văn hóa:

Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa năm 2022 là 8,31 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

• Đất bãi thải, xử lý chất thải:

Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2022 là 6,55 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

• Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:

Nhu cầu sử dụng đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 35,17 ha.

- Diện tích tăng 3,16 ha được lấy từ:

- + Đất trồng cây hàng năm khác: 3,07 ha;

- + Đất chưa sử dụng: 0,03 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,06 ha.

Diện tích tăng để thực hiện công trình Nghĩa trang nhân dân Mường Lay.

Đến năm 2022, diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng của Thị xã là 38,33 ha, tăng 3,16 ha so với hiện trạng năm 2021.

• **Đất chợ:**

Diện tích đất chợ năm 2022 là 1,98 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất sinh hoạt cộng đồng**

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng năm 2022 là 2,79 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất khu vui chơi, giải trí công cộng**

Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng năm 2022 là 4,83 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất ở tại nông thôn**

Nhu cầu sử dụng đất ở tại nông thôn trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 44,38 ha.

- Diện tích tăng 3,22 ha được lấy từ:

- + Đất trồng cây lâu năm: 0,38 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 2,15 ha;
- + Đất chưa sử dụng: 0,63 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,06 ha.

Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án sau:

- + Đầu tư quyền sử dụng đất tại xã Lay Nưa;
- + Điểm định canh định cư Hồ Huổi Luông, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay;
- + Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân (31 hộ ở xã Lay Nưa).

Đến năm 2022, diện tích đất ở tại nông thôn của Thị xã là 47,60 ha, tăng 3,22 ha so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất ở tại đô thị**

Nhu cầu sử dụng đất ở tại đô thị trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 37,95 ha.

- Diện tích tăng 9,37 ha được lấy từ:

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 0,69 ha;

+ Đất rừng sản xuất: 6,31 ha;

+ Đất chưa sử dụng: 2,37 ha.

Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án cụ thể sau:

+ Đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Na Lay;

+ Đầu giá quyền sử dụng đất (tại phường Sông Đà);

+ Điểm ĐCĐC Hồ Nậm Cắn, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay.

Đến năm 2022, diện tích đất ở tại đô thị của Thị xã là 47,32 ha, tăng 9,37 ha so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 7,54 ha.

- Diện tích tăng 0,28 ha được lấy từ Đất chưa sử dụng để thực hiện 02 công trình, dự án cụ thể sau:

+ Trạm Thủy văn Mường Lay;

+ Xây dựng Trụ sở Hạt Kiểm Lâm Mường Lay.

- Diện tích giảm 0,01 ha do chuyển sang Đất quốc phòng để thực hiện công trình Thao trường huấn luyện tổng hợp.

Đến năm 2022, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của Thị xã là 7,82 ha, tăng 0,27 ha so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp**

Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2022 là 1,02 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất tín ngưỡng**

Diện tích đất tín ngưỡng năm 2022 là 0,04 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối**

Nhu cầu sử dụng đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 703,54 ha.

- Diện tích giảm 0,46 ha do chuyển sang Đất nông nghiệp khác để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi Gà Mía thả vườn, nuôi cá Rô Phi kết hợp trồng cây ăn quả.

Đến năm 2022, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối của Thị xã là 703,54 ha, giảm 0,46 ha so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất có mặt nước chuyên dùng**

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng năm 2022 là 0,25 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

*** Đất phi nông nghiệp khác**

Diện tích đất phi nông nghiệp khác năm 2022 là 0,13 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

c) Nhóm đất chưa sử dụng

Nhu cầu sử dụng đất chưa sử dụng trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021 là 574,47 ha.

- Diện tích giảm 22,85 ha do chuyển sang:

+ Đất nông nghiệp khác: 3,21 ha;

+ Đất rừng sản xuất: 8,62 ha;

+ Đất quốc phòng: 0,45 ha;

+ Đất giao thông: 7,23 ha;

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,03 ha;

+ Đất ở tại nông thôn: 0,63 ha;

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,03 ha;

- + Đất ở tại đô thị: 2,37 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,28 ha.
- Diện tích giảm để thực hiện các công trình, dự án cụ thể sau:
 - + Trạm Thủy văn Mường Lay;
 - + Xây dựng Trụ sở Hạt Kiểm Lâm Mường Lay;
 - + Đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Na Lay;
 - + Xây dựng, tôn tạo di tích khu nghỉ mát Pú Vạt (Pú Vạt)-đường giao thông Đồi Cao-Pú Vạt (Pú Vạt)-Nậm Cắn;
 - + Đấu giá quyền sử dụng đất (*tại phường Sông Đà*);
 - + Đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Lay Nưa;
 - + Điểm định canh định cư Hồ Huổi Luông, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay;
 - + Nghĩa trang nhân dân Mường Lay;
 - + Trang trại cây nông, lâm nghiệp, cây ăn quả đặc sản, lấy bóng mát đô thị và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
 - + Xây dựng cơ sở hạ tầng trạm thu phát sóng mạng di động Vinaphone của VNPT Điện Biên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
 - + Thao trường huấn luyện tổng hợp;
 - + Trồng cây Quế phát triển kinh tế trên địa bàn thị xã Mường Lay tỉnh Điện Biên;
 - + Đấu giá xây dựng Trang trại chăn nuôi Gà Mía thả vườn, nuôi cá rô phi kết hợp trồng cây ăn quả.

Đến năm 2022, diện tích đất chưa sử dụng của Thị xã là 574,47 ha, giảm 22,85 ha so với hiện trạng năm 2021.

3.2. Chỉ tiêu sử dụng đất của kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Chỉ tiêu sử dụng đất của kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được xây dựng trên cơ sở tổng hợp từ nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình cá nhân. Việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của Thị xã là cơ sở, căn cứ cho việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn Thị xã, góp phần phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thị xã trong năm 2022. Chỉ tiêu sử dụng đất của kế hoạch sử dụng đất năm 2022 Thị xã Mường Lay cụ thể như sau:

Bảng 3.4: Chỉ tiêu sử dụng đất của kế hoạch sử dụng đất năm 2022

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2022 (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng diện tích tự nhiên		11.266,56	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	9.557,82	84,83
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	687,71	6,10
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>167,14</i>	<i>1,48</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.205,99	10,70
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	51,77	0,46
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.352,06	38,63
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.218,22	28,56
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>2.799,03</i>	<i>24,84</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	38,30	0,34
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,77	0,03
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.134,27	10,07
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	6,37	0,06
2.2	Đất an ninh	CAN	2,94	0,03
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	10,46	0,09
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,83	0,007
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	2,13	0,02
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	296,21	2,63
	<i>Trong đó:</i>			
-	Đất giao thông	DGT	194,58	1,73
-	Đất thủy lợi	DTL	19,93	0,18
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,50	0,004
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	2,69	0,02
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	14,17	0,13
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	5,37	0,05
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3,30	0,03
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,50	0,004
-	Đất xây dựng kho lưu trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	8,31	0,07
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	6,55	0,06
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON		

-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	38,33	0,34
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
-	Đất chợ	DCH	1,98	0,02
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,79	0,02
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,83	0,04
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	47,60	0,42
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	47,32	0,42
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7,82	0,07
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,02	0,01
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,04	0,0004
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	703,54	6,24
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,25	0,002
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13	0,001
3	Đất chưa sử dụng	CSD	574,47	5,10

Chi tiết cho các loại đất như sau:

a) Đất nông nghiệp

Kế hoạch năm 2022, diện tích đất nông nghiệp toàn Thị xã Mường Lay là 9.557,82 ha, chiếm 84,83% tổng diện tích tự nhiên.

Chi tiết các loại đất như sau:

- Đất trồng lúa: diện tích là 687,71 ha, chiếm 6,10% diện tích đất nông nghiệp. Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước: diện tích là 167,14 ha, chiếm 1,48% diện tích đất nông nghiệp. Được phân bổ tại các xã, phường trên địa bàn Thị xã như sau:

STT	Địa điểm	Diện tích (ha)	
		LUA	LUC
1	Phường Na Lay	51,28	
2	Phường Sông Đà	67,96	6,64
3	Xã Lay Nưa	568,47	160,50
Tổng		687,71	167,14

- Đất trồng cây hàng năm khác: diện tích là 1.205,99 ha, chiếm 10,70% diện tích đất nông nghiệp. Được phân bổ tại các xã, phường trên địa bàn Thị xã như sau:

STT	Địa điểm	Diện tích (ha)	STT	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Phường Na Lay	176,28	3	Xã Lay Nưa	943,99
2	Phường Sông Đà	85,72	Tổng		1.205,99

- Đất trồng cây lâu năm: diện tích là 51,77 ha, chiếm 0,46% diện tích đất nông nghiệp. Được phân bổ tại các xã, phường trên địa bàn Thị xã như sau:

STT	Địa điểm	Diện tích (ha)	STT	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Phường Na Lay	5,52	3	Xã Lay Nưa	39,65
2	Phường Sông Đà	6,60	Tổng		51,77

- Đất rừng phòng hộ: diện tích là 4.352,06 ha, chiếm 38,63% diện tích đất nông nghiệp. Được phân bổ tại các xã, phường trên địa bàn Thị xã như sau:

STT	Địa điểm	Diện tích (ha)	STT	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Phường Na Lay	638,79	3	Xã Lay Nưa	2.694,95
2	Phường Sông Đà	1.018,32	Tổng		4.352,06

- Đất rừng sản xuất: diện tích là 3.218,22 ha, chiếm 28,56% diện tích đất nông nghiệp. Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên: diện tích là 2.799,03 ha, chiếm 24,84% diện tích đất nông nghiệp. Được phân bổ tại các xã, phường trên địa bàn Thị xã như sau:

STT	Địa điểm	Diện tích (ha)	
		RSX	RSN
1	Phường Na Lay	944,73	728,70
2	Phường Sông Đà	1.078,52	975,06
3	Xã Lay Nưa	1.194,97	1.095,27
Tổng		3.218,22	2.799,03

- Đất nuôi trồng thủy sản: diện tích là 38,30 ha, chiếm 0,34% diện tích đất nông nghiệp. Được phân bổ tại các xã, phường trên địa bàn Thị xã như sau:

STT	Địa điểm	Diện tích (ha)	STT	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Phường Na Lay	0,73	3	Xã Lay Nưa	35,72
2	Phường Sông Đà	1,85	Tổng		38,30

- Đất nông nghiệp khác: diện tích là 3,77 ha, chiếm 0,03% diện tích đất nông nghiệp. Được phân bổ ở phường Na Lay (2,23 ha) và xã Lay Nưa (1,54 ha).

b) Đất phi nông nghiệp

Kế hoạch năm 2022, diện tích đất phi nông nghiệp toàn Thị xã Mường Lay là 1.134,27 ha, chiếm 10,07% tổng diện tích tự nhiên.

Chi tiết các loại đất như sau:

- Đất quốc phòng: diện tích là 6,37 ha, chiếm 0,06% diện tích đất phi nông nghiệp. Được phân bổ ở phường Sông Đà (1,44 ha) và xã Lay Nưa (4,93 ha).

- Đất an ninh: diện tích là 2,94 ha, chiếm 0,03% diện tích đất phi nông nghiệp. Được phân bổ ở phường Na Lay (2,65 ha) và phường Sông Đà (0,29 ha).

- Đất thương mại, dịch vụ: diện tích là 10,46 ha, chiếm 0,09% diện tích đất phi nông nghiệp. Được phân bổ ở phường Na Lay (2,31 ha) và phường Sông Đà (8,15 ha).

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: diện tích là 0,83 ha, chiếm 0,007% diện tích đất phi nông nghiệp. Được phân bổ tại các xã, phường trên địa bàn Thị xã như sau:

STT	Địa điểm	Diện tích (ha)	STT	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Phường Na Lay	0,35	3	Xã Lay Nưa	0,19
2	Phường Sông Đà	0,29	Tổng		0,83

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: diện tích là 2,13 ha, chiếm 0,02% diện tích đất phi nông nghiệp. Được phân bổ ở phường Sông Đà (1,54 ha) và xã Lay Nưa (0,59 ha).

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: diện tích là 296,21 ha, chiếm 2,63% diện tích đất phi nông nghiệp. Được phân bổ tại các xã, phường trên địa bàn Thị xã như sau:

STT	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chia ra các loại đất											
			DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	DDT	DRA	NTD	DCH
1	Phường Na Lay	125,91	90,69	2,77	0,50	2,36	6,33	3,96	2,47	0,37			15,22	1,24
2	Phường Sông Đà	50,29	24,14	7,70		0,17	4,32		0,81	0,11	4,88	6,55	1,14	0,47
3	Xã Lay Nưa	120,01	79,75	9,46		0,16	3,52	1,41	0,02	0,02	3,43		21,97	0,27
Tổng		296,21	194,58	19,93	0,50	2,69	14,17	5,37	3,30	0,50	8,31	6,55	38,33	1,98

- Đất sinh hoạt cộng đồng: diện tích là 2,79 ha, chiếm 0,02% diện tích đất phi nông nghiệp. Được phân bổ tại các xã, phường trên địa bàn Thị xã như sau:

STT	Địa điểm	Diện tích (ha)	STT	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Phường Na Lay	1,22	3	Xã Lay Nưa	1,01
2	Phường Sông Đà	0,56	Tổng		2,79

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: diện tích là 4,83 ha, chiếm 0,04% diện tích đất phi nông nghiệp. Được phân bổ ở phường Na Lay (4,42 ha) và phường Sông Đà (0,41 ha).

- Đất ở tại nông thôn: diện tích là 47,60 ha, chiếm 0,42% diện tích đất phi nông nghiệp. Được phân bổ tại xã Lay Nưa.

- Đất ở tại đô thị: diện tích là 47,32 ha, chiếm 0,42% diện tích đất phi nông nghiệp. Được phân bổ ở phường Na Lay (41,09 ha) và phường Sông Đà (6,23 ha).

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: diện tích là 7,82 ha, chiếm 0,07% diện tích

đất phi nông nghiệp. Được phân bổ tại các xã, phường trên địa bàn Thị xã như sau:

STT	Địa điểm	Diện tích (ha)	STT	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Phường Na Lay	3,73	3	Xã Lay Nưa	1,06
2	Phường Sông Đà	3,03	Tổng		7,82

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: diện tích là 1,02 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp. Được phân bổ ở phường Na Lay (0,66 ha) và phường Sông Đà (0,36 ha).

- Đất tín ngưỡng: diện tích là 0,04 ha, chiếm 0,0004% diện tích đất phi nông nghiệp. Được phân bổ tại phường Sông Đà.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: diện tích là 703,54 ha, chiếm 6,24% diện tích đất phi nông nghiệp. Được phân bổ tại các xã, phường trên địa bàn Thị xã như sau:

STT	Địa điểm	Diện tích (ha)	STT	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Phường Na Lay	209,41	3	Xã Lay Nưa	127,31
2	Phường Sông Đà	366,82	Tổng		703,54

- Đất có mặt nước chuyên dùng: diện tích là 0,25 ha, chiếm 0,002% diện tích đất phi nông nghiệp. Được phân bổ tại xã Lay Nưa.

- Đất phi nông nghiệp khác: diện tích là 0,13 ha, chiếm 0,001% diện tích đất phi nông nghiệp. Được phân bổ tại phường Na Lay.

c) Đất chưa sử dụng

Kế hoạch năm 2022, diện tích đất chưa sử dụng toàn Thị xã Mường Lay là 574,47 ha, chiếm 5,10% tổng diện tích tự nhiên. Được phân bổ tại các xã, phường trên địa bàn Thị xã như sau:

STT	Địa điểm	Diện tích (ha)	STT	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Phường Na Lay	76,77	3	Xã Lay Nưa	263,58
2	Phường Sông Đà	234,12	Tổng		574,47

4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

- Trong năm 2022, diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 16,98 ha. Cụ thể:

- + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 9,68 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 0,73 ha;
- + Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 6,45 ha (*Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 6,31 ha*);
- + Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 0,12 ha.

(Chi tiết có Biểu 07/CH kèm theo)

5. Diện tích đất cần thu hồi

- Trong năm 2022, diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi là 16,74 ha, bao gồm:
 - + Đất trồng cây hàng năm khác: 9,55 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm: 0,63 ha;
 - + Đất rừng sản xuất: 6,45 ha *(Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 6,31 ha)*;
 - + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,11 ha.
- Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi là 0,76 ha, bao gồm:
 - + Đất giao thông: 0,28 ha;
 - + Đất xây dựng cơ sở y tế: 0,01 ha;
 - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,01 ha;
 - + Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 0,46 ha.

(Chi tiết có Biểu 08/CH kèm theo)

6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong năm 2022, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là 22,85 ha, do chuyển sang:

- + Đất rừng sản xuất: 8,62 ha;
- + Đất nông nghiệp khác: 3,21 ha;
- + Đất quốc phòng: 0,45 ha;
- + Đất giao thông: 7,23 ha;
- + Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,03 ha;
- + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,03 ha;
- + Đất ở tại nông thôn: 0,63 ha;
- + Đất ở tại đô thị: 2,37 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,28 ha.

(Chi tiết có Biểu 09/CH kèm theo)

7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2022 Thị xã Mường Lay

Tổng số công trình, dự án trong năm kế hoạch 2022 Thị xã Mường Lay là 25 công trình, dự án với tổng diện tích: 2.017,80 ha. Trong đó 08 công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 Thị xã Mường Lay và 17 công trình, dự án đăng ký trong năm 2022.

(Chi tiết có Biểu 10/CH kèm theo)

8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

8.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch của Thị xã Mường Lay được dựa trên các căn cứ chính sau đây:

- Luật Đất đai 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2015 ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng, cây trồng và vật nuôi trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
- Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Ban hành quy định về mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
- Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Điện Biên quy định tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
- Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND

tỉnh Điện Biên về việc ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

a) Dự kiến các khoản thu

Bao gồm thu từ việc giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các loại thuế liên quan đến đất đai.

b) Dự kiến các khoản chi

Bao gồm chi cho việc bồi thường tái định cư, bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng và vật nuôi trên đất...

c) Dự kiến các khoản thu chi liên quan đến đất trong năm kế hoạch sử dụng đất 2022 Thị xã Mường Lay

Kết quả thực hiện thu chi từ đất đai trong năm 2022 trên địa bàn Thị xã Mường Lay như sau:

- Tổng thu: 5.132 triệu đồng.
- Tổng chi: 2.451 triệu đồng.
- Cân đối thu – chi: 2.681,32 triệu đồng.

Dự kiến các khoản thu - chi trong năm 2022 Thị xã Mường Lay như sau:

TT	Hạng Mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (nghìn đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
I	Các khoản thu			5.132
1	<i>Thu từ chuyển mục đích sử dụng đất</i>			5.132
	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn tại xã Lay Nưa	0,56	800	4.502,32
	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị tại phường Sông Đà	0,05	1,26	630
2	<i>Thu từ đấu giá quyền sử dụng đất</i>			56.442,00
	Đấu giá quyền sử dụng đất Phường Na Lay	0,79	2500	19.750,00
	Đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Sông Đà	2,05	1220	25.010,00
	Đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Lay Nưa	1,77	660	11.682,00
3	<i>Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử</i>	0,15		

	<i>dụng vào mục đích phi nông nghiệp</i>			
II	Các khoản chi			2.451,00
1	<i>Chi bồi thường thu hồi đất, hoa màu trên đất trồng cây hàng năm khác</i>	17,25	14	2.415,00
2	<i>Chi bồi thường thu hồi đất, cây trồng trên đất trồng cây lâu năm</i>	0,2	18	36
III	Cân đối thu - chi (I-II)			2.681,32

Trên đây chỉ là dự kiến thu chi giả định dựa trên bảng giá đất tại Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất. Thu chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án ở thời điểm nào thì trên cơ sở hướng dẫn áp dụng đơn giá, khung giá và giá cả thị trường cụ thể tại thời điểm đó cũng như cho từng dự án.

PHẦN IV

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2022

Để kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Thị xã Mường Lay trong năm 2022. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cần phải thực hiện các giải pháp như sau:

1. Giải pháp về tuyên truyền

- Sau khi UBND tỉnh có quyết định phê duyệt, UBND Thị xã sẽ tổ chức công khai kế hoạch sử dụng đất trên trang thông tin điện tử và trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại UBND các xã, phường lồng ghép với các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết đầy đủ các thông tin về dự án, công trình sẽ thực hiện trong năm 2022 và lồng ghép tuyên truyền các văn bản của luật Đất đai năm 2013 để nhân dân chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về quản lý đất đai, kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt và khi triển khai thực hiện bồi thường, thu hồi đất được sự đồng thuận cao nhất.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật đất đai nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Vận động nhân dân hiến đất xây dựng công trình, dự án phục vụ mục đích công cộng (giáo dục, y tế, thủy lợi...) để sớm hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới của Thị xã.

2. Giải pháp về nguồn lực, vốn đầu tư

- Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ, tập trung, không dàn trải, có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Ngoài nguồn vốn đầu tư của nhà nước từ ngân sách, cần huy động vốn từ nhiều nguồn như tín dụng ưu đãi, vốn của các nhà đầu tư, huy động vốn cổ phần của các thành phần kinh tế để xây dựng các dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Phát huy nguồn lực từ đất đai: đây là nguồn lực chủ động để đầu tư phát triển, gắn với an sinh xã hội, chuyển đổi cơ cấu lao động, tăng hoạt động dịch vụ

quy mô vừa và nhỏ. Để thực hiện nguồn thu từ đất đai với các giải pháp như sau:

- + Tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ có đất nông nghiệp vườn nhà, đan xen trong các khu dân cư có nhu cầu xin chuyển mục đích từ đất nông nghiệp chuyển sang đất ở; đây cũng là nguồn thu đáng kể cho ngân sách, vừa không phải bồi thường đất, xây dựng hạ tầng, vừa đảm bảo an sinh xã hội, thuận lợi trong quản lý đất đai.

- + Lựa chọn các vị trí khu đất có lợi thế, khu vực các trục giao thông, trung tâm thị tứ, đất đô thị,... bồi thường, thu hồi tạo quỹ đất sạch để đầu tư giá quyền sử dụng đất ở, tạo mặt bằng sạch về: đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất nhằm thu hút các nhà đầu tư, thu hút vốn ngoài ngân sách.

- Phát huy nguồn lực từ nhân dân: Vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng nhiều công trình dự án thuộc quy hoạch nông thôn mới, các dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, các khu vui chơi giải trí, nhà trẻ, thể dục thể thao nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân trong và ngoài Thị xã mở rộng, đầu tư mới các cơ sở sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ gắn liền với nhà ở, đất ở.

3. Giải pháp về chính sách, quản lý

- UBND các xã, phường căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của Thị xã đã được duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thuộc phạm vi ranh giới hành chính cấp mình, thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của Pháp luật.

- Có cơ chế chính sách khuyến khích hỗ trợ, ưu đãi như cho thuê đất, giao đất thông thoáng, tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi cho đầu tư để thu hút và tập hợp các nhà đầu tư tham gia phát triển các dự án trong năm kế hoạch.

- Lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất kịp thời cho các chủ đầu tư để kịp thời triển khai thực hiện dự án.

- Thực hiện những chính sách ưu đãi những hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, hết đất sản xuất, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, phải tốt hơn nơi ở cũ và hỗ trợ đào tạo nghề, ưu tiên thu hút vào làm việc tại các cơ sở SXKD đã thu hồi đất.

- Khuyến khích nhân dân được chuyển mục đích sử dụng đất những thửa đất đan xen, có diện tích nhỏ phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đất đai để thuận lợi trong quản lý và có nguồn thu ngân sách.

- Vấn đề bồi thường đất đai cần phải được thực hiện công khai, thực hiện đúng trình tự theo quy định pháp luật, xác định đúng nguồn gốc chủ sử dụng, chi trả đúng đối tượng và đúng quy định bảng giá nhà nước.

4. Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Tăng cường đầu tư ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, đồng bộ về phần mềm, thiết bị vi tính, chuẩn hóa, đồng bộ, số hóa toàn bộ cơ sở dữ liệu thông tin về đất đai và bản đồ; tăng cường công tác đào tạo tập huấn chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ cho cán bộ ngành Tài nguyên & Môi trường các cấp, thanh tra, kiểm tra sử dụng công nghệ, cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu.

- Ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến trong canh tác nông nghiệp bền vững, tăng độ phì của đất, phù hợp với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, áp dụng giống mới thích nghi với biến đổi khí hậu để tăng năng suất cây trồng, tăng khả năng chịu hạn, gãy đổ do gió mạnh để tăng hiệu quả sử dụng đất đai, giá trị sản xuất trên đơn vị đất sử dụng.

5. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ rừng và bảo vệ môi trường

- Canh tác trên đất dốc cần kết hợp với các biện pháp bảo vệ đất như xây dựng hệ thống nông lâm kết hợp, trồng cây bằng biện pháp đào rãnh, hố tránh sự xói mòn, xói mòn đất, rửa trôi chất dinh dưỡng trong đất...

- Tăng cường bảo vệ thực vật bằng biện pháp sinh học như sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học. Đặc điểm nổi bật của thuốc bảo vệ thực vật sinh học là ít độc, an toàn trước hết cho người sử dụng, nó không chỉ tạo ra sản phẩm an toàn về vệ sinh thực phẩm mà nó còn góp phần cải thiện môi trường sống, nguồn tài nguyên đất, nước, không khí cũng không bị ô nhiễm.

- Sử dụng các loại phân bón hoá học một cách hợp lý, tránh lạm dụng phân bón hoá học quá nhiều, bón phân không có tỷ lệ hợp lý sẽ làm cho đất mất cân bằng chất dinh dưỡng, việc canh tác không thuận lợi và chi phí lớn.

- Áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp để thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của từng khu vực trên địa bàn Thị xã nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất, tránh làm thoái hóa đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và đảm bảo phát triển bền vững.

- Đối với các vùng đất đồi núi chưa sử dụng cần sớm đầu tư trồng rừng mới, để tăng độ che phủ, tăng hiệu quả sử dụng đất, giảm thiểu xói mòn rửa trôi đất.

- Tăng cường công tác bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng, nhất là rừng phòng hộ; đảm bảo trồng hết diện tích đất có thể trồng rừng. Tích cực khoanh nuôi, bảo vệ và chăm sóc diện tích rừng hiện có; hạn chế tối đa tình trạng cháy rừng, vi phạm lâm luật.

- Hạn chế tối đa việc chuyển mục đích sử dụng diện tích đất rừng sang các mục đích khác nhất là diện tích đất rừng phòng hộ.

- Đối với các rừng đã trồng cần khuyến khích thực hiện quy trình kỹ thuật khai thác theo băng hay theo đám có quy mô vừa phải, khai thác xong cần trồng lại kịp thời để giảm thiểu xói mòn rửa trôi đất, khuyến khích các chu kỳ sau trồng cây gỗ lâu năm có giá trị cao, rừng nhiều tầng để tăng hiệu quả bảo vệ môi trường, tạo nguồn sinh thủy, giảm thiểu rửa trôi vùng đất dốc.

- Phát triển kinh tế phải gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái; thực hiện nghiêm các quy định bảo vệ môi trường, quản lý chất thải, xây dựng các điểm thu gom chất thải, khu xử lý chất thải hợp vệ sinh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường, kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm quy định về môi trường; xây dựng cơ sở sản xuất phải xây dựng, vận hành hệ thống xử lý môi trường về nước thải, khí thải phải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của Thị xã Mường Lay là cơ sở để thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thị xã vừa phù hợp với điều kiện tự nhiên, vừa đáp ứng mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

- Đất phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng khu vực. Đáp ứng được nhu cầu của người dân địa phương và đảm bảo mục tiêu đô thị hóa.

- Các loại đất để phát triển cơ sở hạ tầng được xem xét và tính toán cho mọi loại đất từ đất giao thông, thủy lợi,... trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm đất.

Cơ cấu sử dụng đất trên địa bàn Thị xã năm 2022 như sau:

- Đất nông nghiệp: **9.557,82** ha, chiếm 84,83% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: **1.134,27** ha, chiếm 10,07% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: **574,47** ha, chiếm 5,10% tổng diện tích tự nhiên.

2. Kiến nghị

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, UBND Thị xã Mường Lay kiến nghị tỉnh, các Sở ban ngành như sau:

- UBND Tỉnh, các Sở ban ngành quan tâm chỉ đạo, đầu tư kinh phí để thực hiện đồng bộ các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch sử dụng đất của Thị xã.

- Đầu tư, hỗ trợ kinh phí để Thị xã hoàn thiện đo đạc; cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai; lập quy hoạch bảo vệ môi trường; xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý rác thải, nước thải và bảo vệ môi trường.